

**CÔNG TY CỔ PHẦN THANG MÁY ARISE**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THANG MÁY ARISE

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ARISE ELEVATOR JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: ARISE ELEVATOR.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109129682

**3. Ngày thành lập:** 18/03/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 17 hẻm 27/9/8 Tổ dân phố Phú Thứ, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 097.498.4567

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                          | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                       | 2592     |
| 2.  | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn                                         | 2599     |
| 3.  | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                                                         | 2610     |
| 4.  | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính                                                                                                                          | 2620     |
| 5.  | Sản xuất thiết bị truyền thông                                                                                                                                                     | 2630     |
| 6.  | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện                                                                                                     | 2710     |
| 7.  | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn                                                                                                                                             | 3311     |
| 8.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                         | 3312     |
| 9.  | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                             | 3313     |
| 10. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                             | 3314     |
| 11. | Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)                                                                                          | 3315     |
| 12. | Sửa chữa thiết bị khác<br>Chi tiết: Sửa chữa lưới đánh bắt cá, bao gồm cả phục hồi;<br>- Sửa chữa dây, đòn bẩy, buồm, mái che;<br>- Sửa chữa các túi để đựng phân bón và hoá chất; | 3319     |
| 13. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                            | 3320     |
| 14. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                           | 4221     |
| 15. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                 | 4223     |
| 16. | Phá dỡ                                                                                                                                                                             | 4311     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 17. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4312        |
| 18. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4321        |
| 19. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4322        |
| 20. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như:<br>+ Thang máy, thang cuốn,<br>+ Cửa cuốn, cửa tự động,<br>+ Dây dẫn chống sét,<br>+ Hệ thống hút bụi,<br>+ Hệ thống âm thanh,<br>+ Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung.                                                                                                                  | 4329(Chính) |
| 21. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4330        |
| 22. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc,<br>+ Các công việc về chống ẩm và chống thấm nước,<br>+ Chống ẩm các toà nhà,<br>+ Đào giếng (trong ngành khai thác mỏ),<br>+ Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối,<br>+ Uốn thép,<br>+ Xây gạch và đặt đá,<br>+ Lợp mái các công trình nhà để ở,                                                                 | 4390        |
| 23. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4651        |
| 24. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4652        |
| 25. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày | 4659        |
| 26. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4741        |
| 27. | Hoạt động viễn thông có dây                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 6110        |
| 28. | Hoạt động viễn thông không dây                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 6120        |
| 29. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 6201        |
| 30. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 6202        |

|     |                                                                                                                                                   |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 31. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết: Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm. | 6209 |
| 32. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                          | 7320 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông    | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THỊ NGÀ | Tổ 20 Sài Đồng, Phường Sài Đồng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam          | Cổ phần phổ thông         | 750        | 75.000.000            | 5,000     | 0341750062<br>31                                                                            |         |
|     |                |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      | Tổng số                   | 750        | 75.000.000            | 5,000     |                                                                                             |         |

|   |                  |                                                                             |                           |       |             |        |           |  |
|---|------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-------|-------------|--------|-----------|--|
| 2 | NGUYỄN ĐỨC THẮNG | Tổ 20 Sài Đồng, Phường Sài Đồng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 5.250 | 525.000.000 | 35,000 | 013041929 |  |
|   |                  |                                                                             | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0     | 0           | 0,000  |           |  |
|   |                  |                                                                             | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0     | 0           | 0,000  |           |  |
|   |                  |                                                                             | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0     | 0           | 0,000  |           |  |
|   |                  |                                                                             | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0     | 0           | 0,000  |           |  |
|   |                  |                                                                             | Tổng số                   | 5.250 | 525.000.000 | 35,000 |           |  |
| 3 | NGUYỄN ĐĂNG TĂNG | Tổ 20 Sài Đồng, Phường Sài Đồng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 9.000 | 900.000.000 | 60,000 | 011760368 |  |
|   |                  |                                                                             | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0     | 0           | 0,000  |           |  |
|   |                  |                                                                             | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0     | 0           | 0,000  |           |  |
|   |                  |                                                                             | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0     | 0           | 0,000  |           |  |
|   |                  |                                                                             | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0     | 0           | 0,000  |           |  |
|   |                  |                                                                             | Tổng số                   | 9.000 | 900.000.000 | 60,000 |           |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ NGA

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 10/03/1975

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 034175006231

Ngày cấp: 06/03/2018

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 20 Sài Đồng, Phường Sài Đồng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 17 hẻm 27/9/8 Tổ dân phố Phú Thứ, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội